

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An

Ngày
31/12/2025

58,700 VNĐ

Thay đổi

1 tháng

3 tháng

6 tháng

-4.6%

6.1%

10.8%

DT thuần
Q4/25

1,300

tỷ VNĐ

QoQ: ▼48.0| -3.6%

YoY: ▲ 89.0| 7.3%

LN thuần
Q4/25

463

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 25.0| 5.8%

YoY: ▲ 48.0| 11.7%

LN sau thuế
Q4/25

360

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.00| 2.0%

YoY: ▲ 12.0| 3.4%

Tỷ suất lãi EBIT
2025

36.4%

YoY: +/-▲ 9.4%

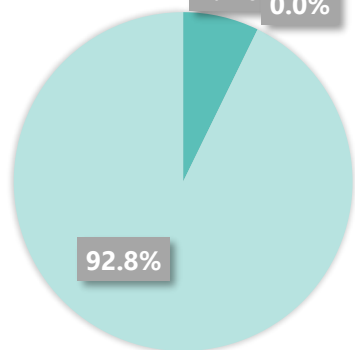
ROE
2025

25.8%

YoY: +/-▲ 7.5%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	34,198 - 67,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	9,912
Số lượng CPLH (CP)	168,861,212
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,403,620
Sở hữu nước ngoài	7.2%
Beta	0.94
EPS	7,145
P/E	8.2

Cơ cấu sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

DT thuần
2025

5,091

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,099| 27.5%

LN thuần
2025

1,748

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 768| 78.3%

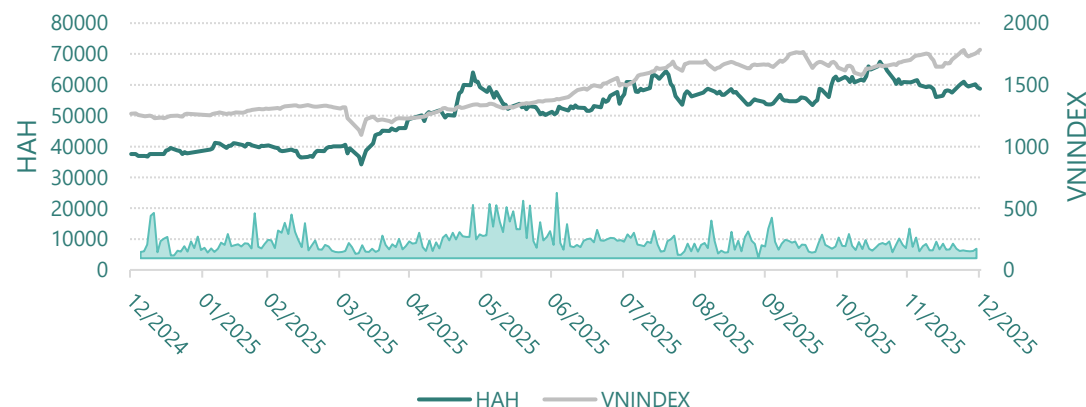
LN sau thuế
2025

1,401

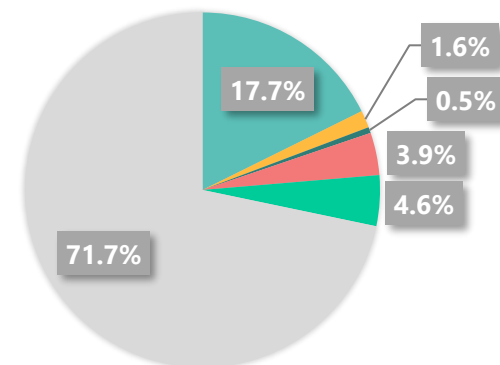
tỷ VNĐ

YoY: ▲ 601| 75.1%

Lịch sử giá



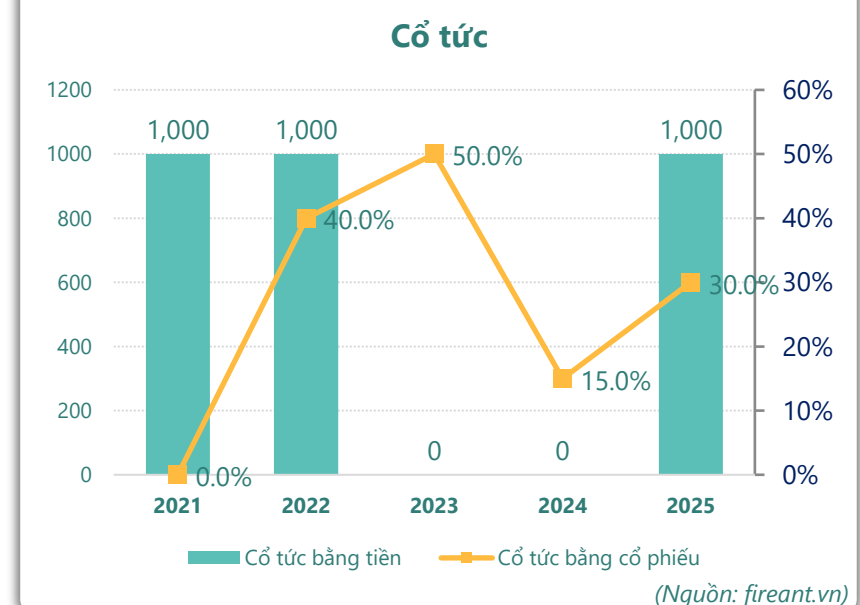
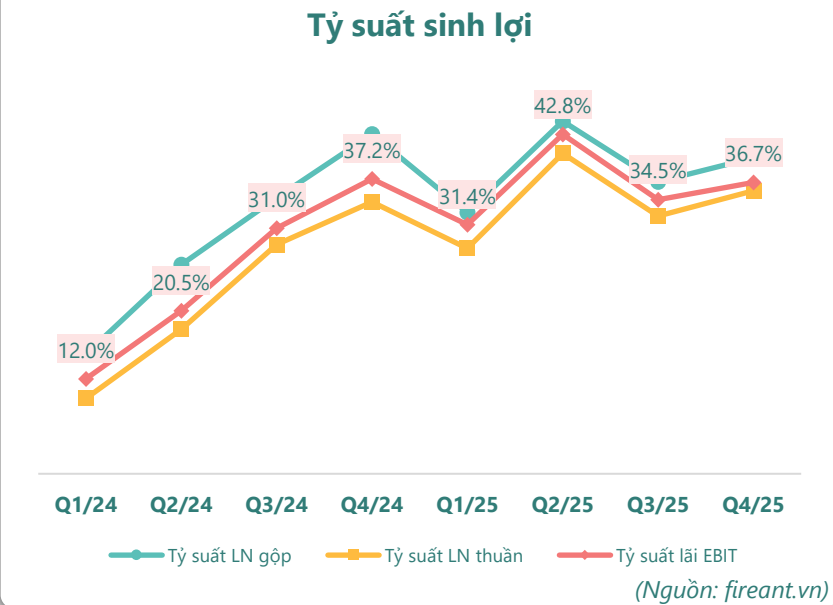
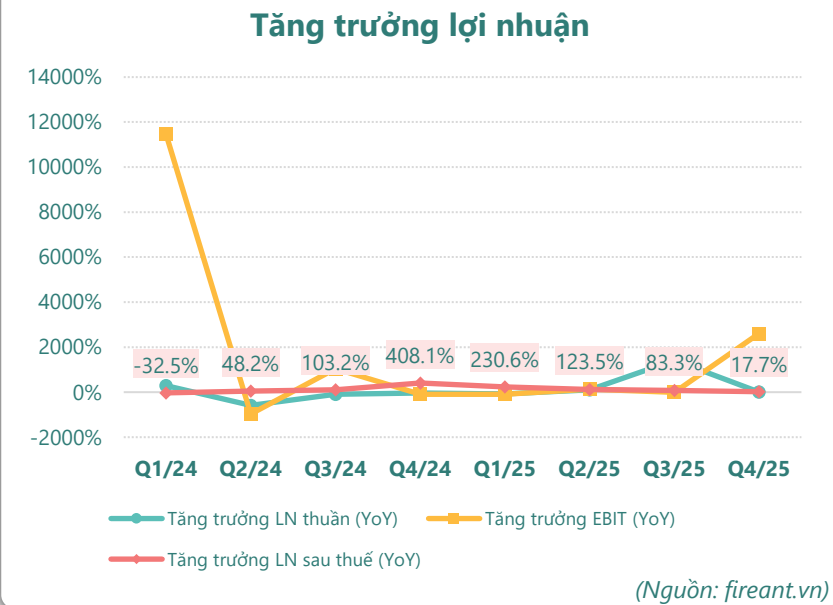
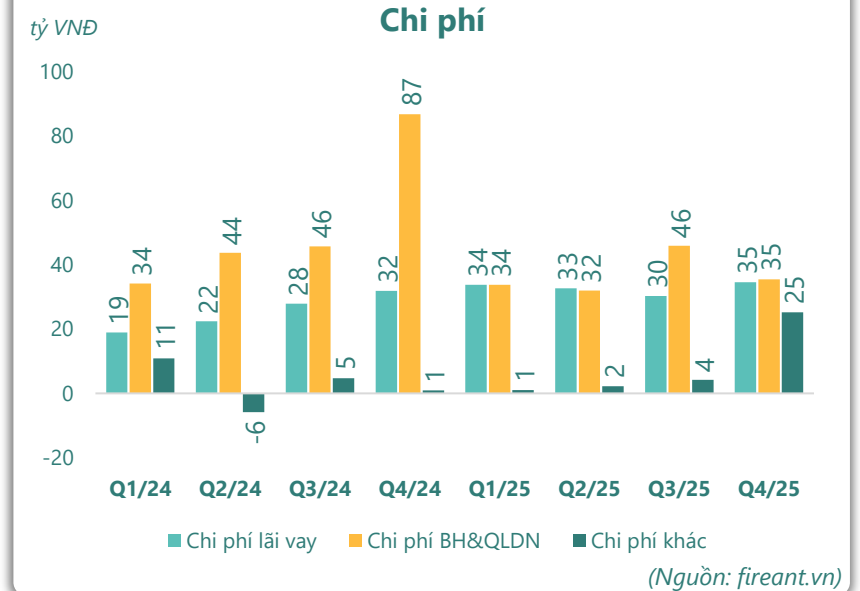
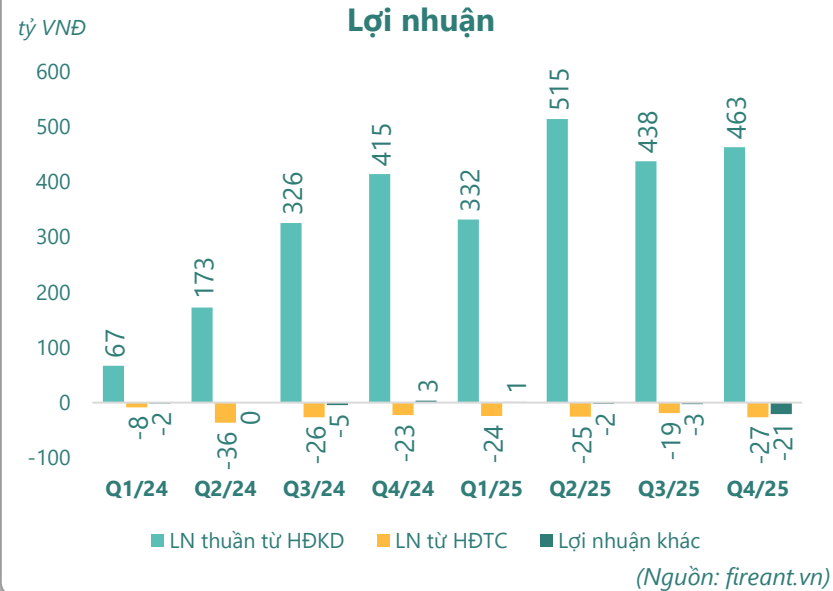
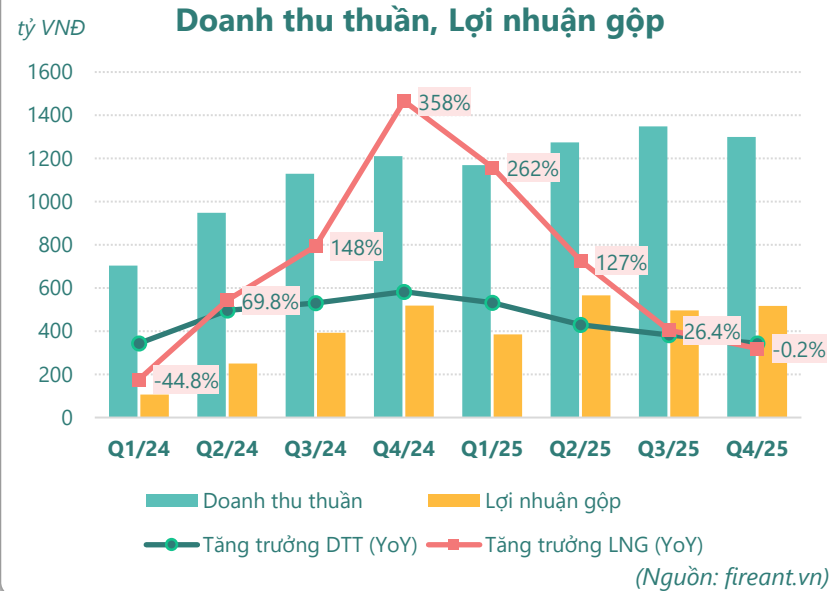
Cơ cấu cổ đông



- CTCP Container Việt Nam
- CTCP Đầu tư và Vận tải Hải Hà
- Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh
- CTCP Quản lý quỹ Leadvisors
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH



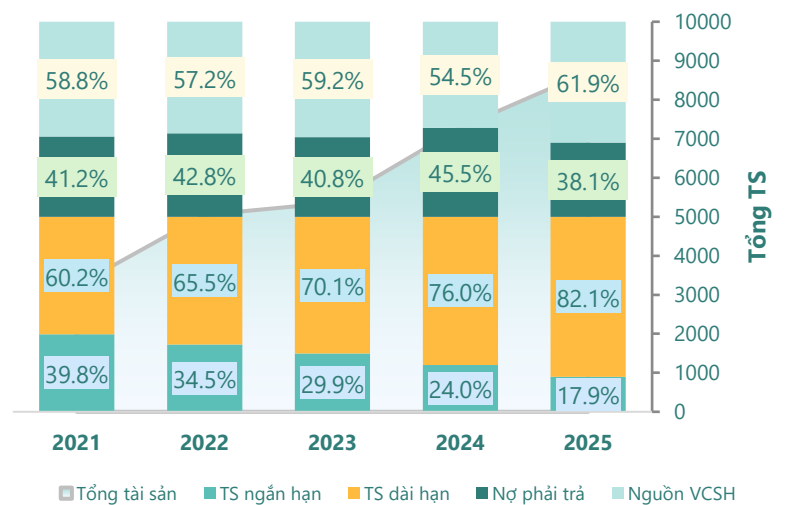


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

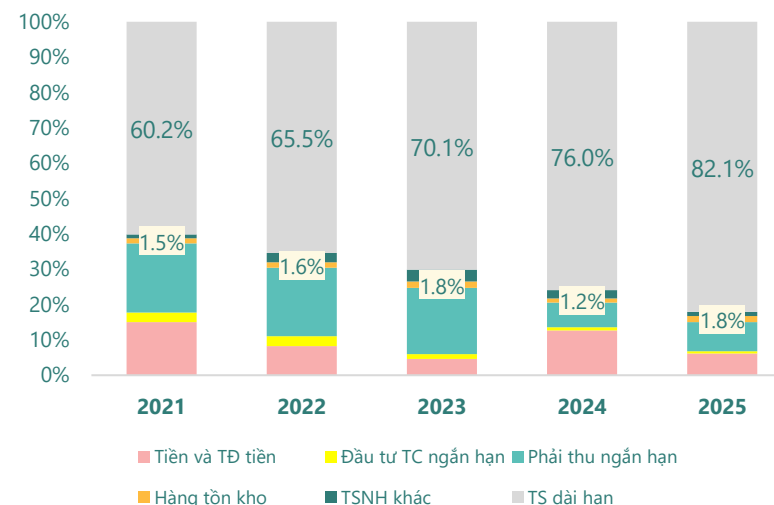
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

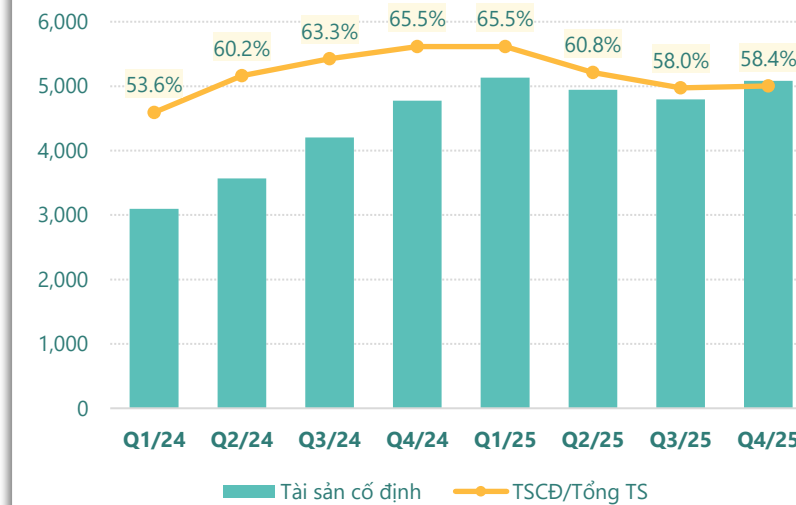
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

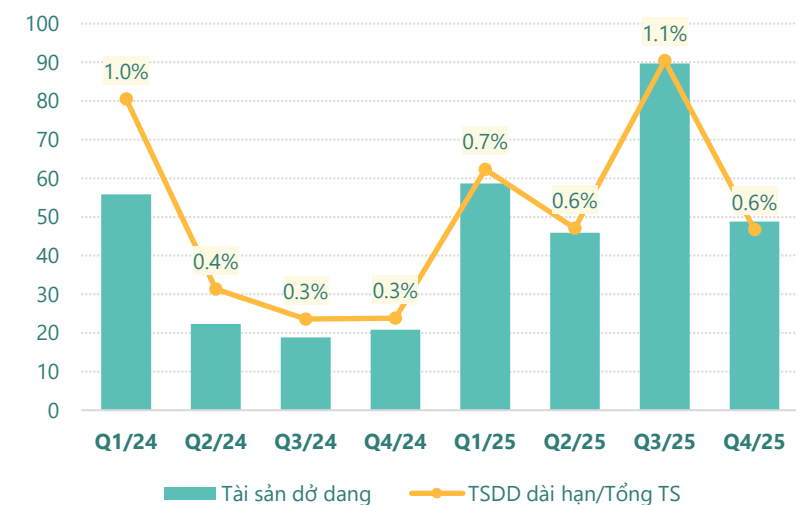
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

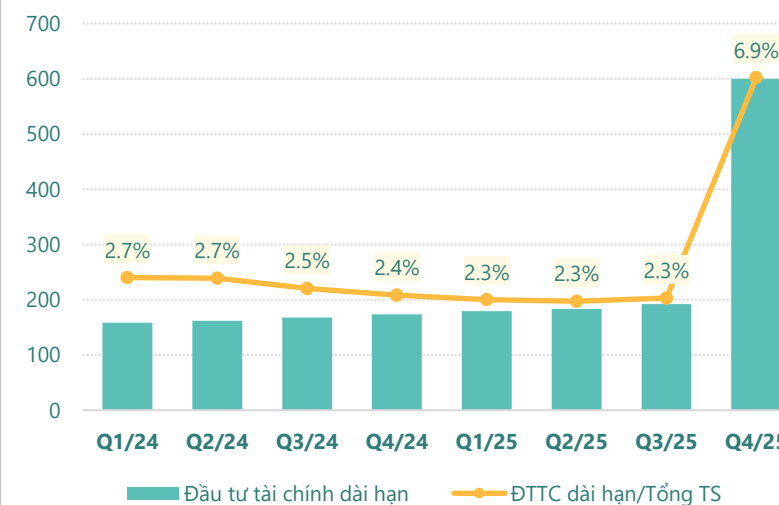
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

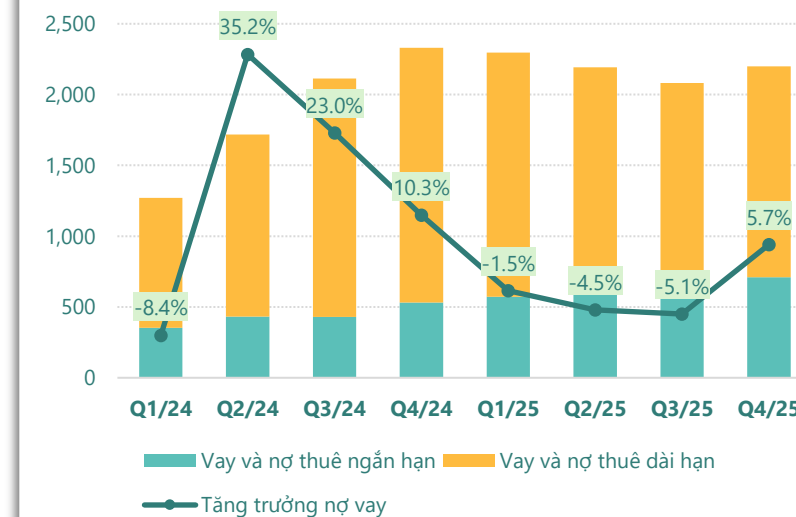
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



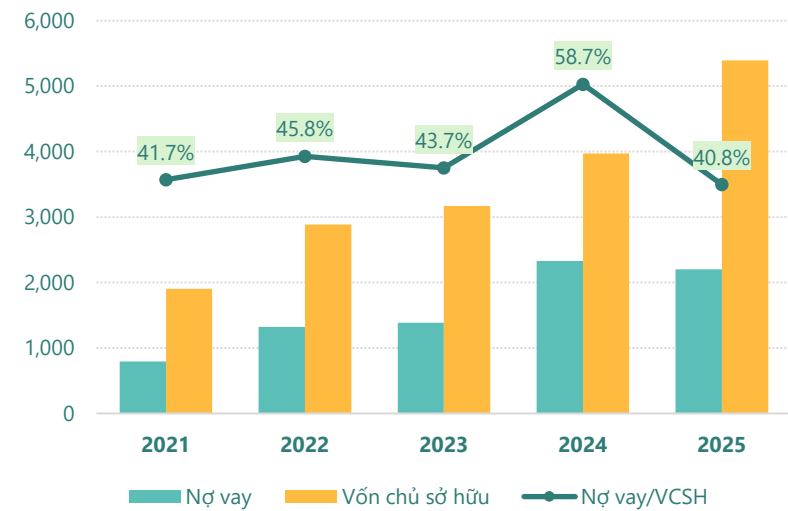
(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

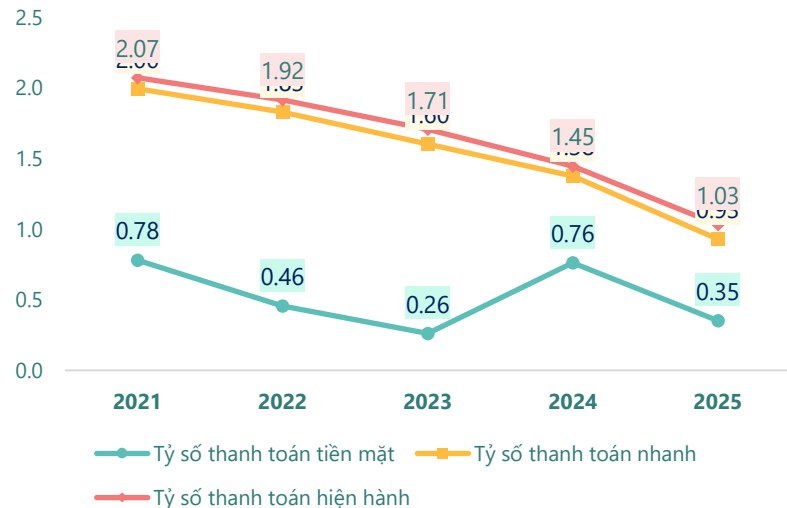
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



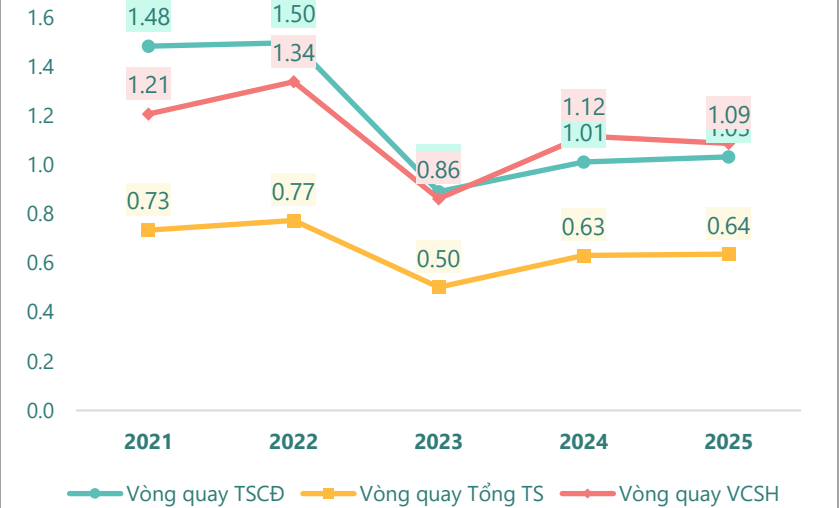
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



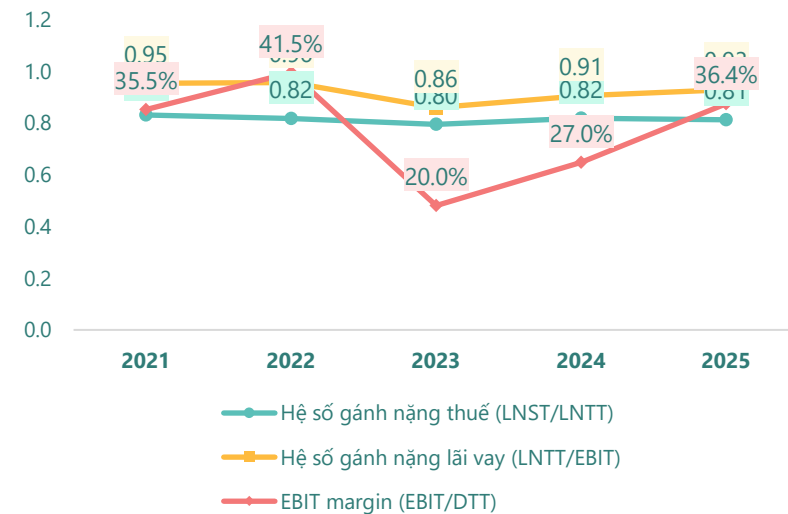
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



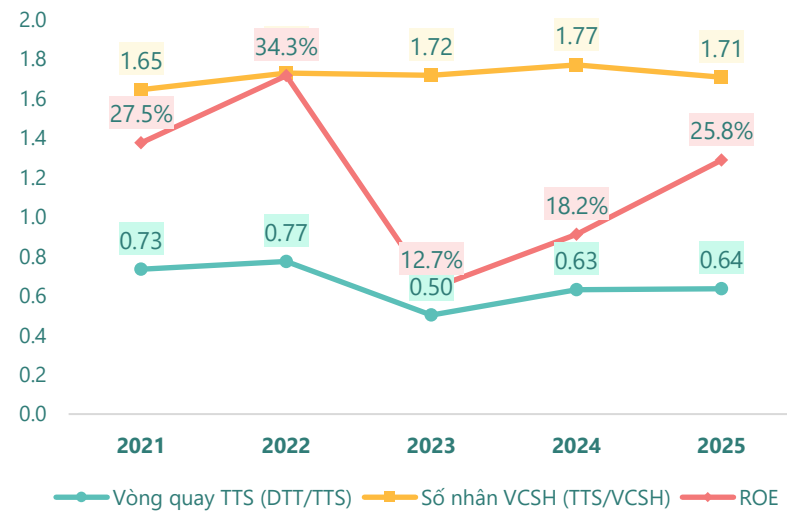
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



(Nguồn: fireant.vn)

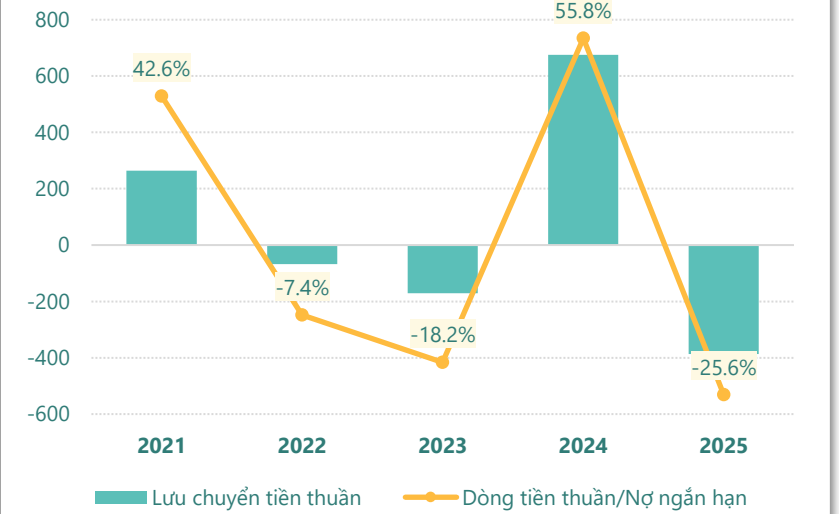
Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,300	1,211	7.3%	5,091	3,992	27.5%
Giá vốn hàng bán	782	692	13.0%	3,126	2,725	14.7%
Lợi nhuận gộp	517	518	-0.1%	1,965	1,267	55.1%
Doanh thu HĐTC	11.9	8.15	45.9%	51.9	24.6	111%
Chi phí TC	38.5	31.0	24.2%	147	119	24.3%
Chi phí lãi vay	34.6	31.9	8.4%	131	101	29.8%
LN trong công ty LKLD	8.11	6.26	29.5%	26.2	18.3	42.9%
Chi phí bán hàng	0	0.00		45.9	0	
Chi phí QLDN	35.5	86.8	-59.1%	101	211	-51.9%
LN thuần từ HĐKD	463	415	11.7%	1,748	980	78.3%
Lợi nhuận khác	-20.8	3.35	-720%	-24.6	-3.15	-683%
LN trước thuế	443	418	5.9%	1,724	977	76.4%
Lợi nhuận sau thuế	360	348	3.4%	1,401	800	75.1%
LNST của CĐ cty mẹ	308	280	9.9%	1,207	650	85.5%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	365	658	490	483	353	382
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-351	-733	-537	-467	-311	-692
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	396	217	169	-133	-113	-11.3
Tiền đầu kỳ	368	775	922	1,045	929	857
Lưu chuyển tiền thuần	410	143	122	-117	-71.0	-322
Ảnh hưởng tỷ giá	-2.97	4.34	0.87	0.74	-1.32	-1.48
Tiền cuối kỳ	775	922	1,045	929	857	534

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	8,714	7,290	19.5%
Tài sản ngắn hạn	1,564	1,753	-10.8%
Tiền và tương đương tiền	534	922	-42.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	54.0	70.5	-23.4%
Phải thu ngắn hạn	718	504	42.4%
Hàng tồn kho	155	87.8	76.9%
Tài sản ngắn hạn khác	103	168	-39.1%
Tài sản dài hạn	7,150	5,537	29.1%
Phải thu dài hạn	782	113	592%
Tài sản cố định	5,085	4,775	6.5%
Bất động sản đầu tư	14.5	0	
Tài sản dở dang	48.8	20.8	135%
Đầu tư tài chính dài hạn	600	174	245%
Tài sản dài hạn khác	620	382	62.3%
Lợi thế thương mại	0	72.3	-100%
Nợ phải trả	3,319	3,318	0.0%
Nợ ngắn hạn	1,514	1,210	25.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	711	532	33.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	275	206	33.7%
Nợ dài hạn	1,805	2,108	-14.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,489	1,798	-17.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,395	3,972	35.8%
Vốn chủ sở hữu	5,395	3,972	35.8%
Vốn điều lệ	1,689	1,213	39.2%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

